

137. KINH THẾ GIAN¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Như Lai đã tự mình giác ngộ về thế gian và cũng nói lại cho người khác. Như Lai biết² thế gian. Như Lai tự giác ngộ về sự tập khởi của thế gian và cũng nói lại cho người khác. Như Lai đoạn trừ thế gian tập. Như Lai tự giác ngộ sự diệt tận của thế gian và cũng nói cho người khác. Như Lai chứng ngộ thế gian diệt. Như Lai tự giác ngộ đạo tích³ của thế gian và cũng nói cho người khác. Như Lai tu thế gian đạo tích.

“Nếu có tất cả những gì cần được hiểu biết một cách toàn diện⁴, tất cả những gì điều đó Như Lai đã biết, thấy, giác, ngộ, chứng đắc. Vì sao vậy? Như Lai từ đêm chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng chánh giác cho đến ngày hôm nay vào lúc ban đêm sẽ đi vào tịch diệt trong Vô dư Niết-bàn giới⁵; trong khoảng thời gian giữa đó, nếu những gì được nói ra, được ứng đối từ chính miệng của Như Lai, tất cả những điều ấy đều là chắc thật, không hư vọng, không ra ngoài sự Như⁶, cũng không phải là điên đảo. Đó là sự chắc thật, là sự chân thật.

“Nếu nói về sự tử như thế nào, thì hãy nói về Như Lai cũng như vậy. Vì sao vậy? Như Lai ở giữa đại chúng nếu có giảng thuyết thì đó chính là tiếng rống của Sư tử⁷.

“Đối với tất cả thế gian, Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ trời đến người, Như Lai là Phạm Hữu⁸. Như Lai là Bạc Chí Lãnh⁹ vì không phiền cũng không nhiệt. Như Lai là Chân đế thật không hư vọng¹⁰.”

1. Tương đương Pāli A.4.23 Loka-sutta; tham chiếu It. 112 Loka.

2. Bốn Thánh đế, tri khổ, đoạn tập, chứng diệt và tu đạo.

3. Đạo tích → Pāli: paṭipāda, phương pháp, hay đường lối thực hành.

4. Nhất thiết tận phổ chánh hữu → (?). Có lẽ là (...) chánh trí, thay vì chánh hữu. Tham chiếu Pāli: yam... sadevakassa lokassa... sadevamanussasāya ditṭham sutam mutam viññatam pattam pariyesitam anuvicaritam manasā sabbam tam tathāgatena abhisambuddham, thế giới này bao gồm Thiên giới, cho đến, chư Thiên và nhân loại, những gì được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết đến, được đạt đến, được tâm cầu, được suy xét bởi ý; tất cả những cái ấy đều được Như Lai giác ngộ.

5. Vô dư Niết-bàn giới → Pāli: anupādisesā nibbānadhātu.

6. Bất ly ư như → Pāli nói: sabbam tam tatheva hoti, no aññathā, tất cả những điều ấy chính thực là như vậy, không thể khác.

7. Pāli khác hẳn: nói như vậy thì cũng làm như vậy (...) cho nên gọi là Như Lai. Yathāvādī tathākārī (...) tathāgato vuccati.

8. Phạm Hữu → được hiểu là “Bạc Tối Diệt” (Pāli: Brahmabhūta, S.IV. Pp-95, M.I. P.111), không được đề cập trong bản Pāli.

9. Chí lãnh hữu → A cực kỳ mát lạnh, vì đã dập tắt các thú lửa. Pāli:?

10. Chân đế bất hư hữu → không rõ Pāli. Đoạn văn Pāli được coi tương đương: (...) Tathāgato

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Bấy giờ Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Biết tất cả thế gian;
Ra khỏi mọi thế gian;
Thuyết tất cả thế gian;
Trọn thế gian như thật¹¹
Đấng Tối Tôn Đại Hùng
Giải thoát mọi triền phược,
Diệt tận hết thủy nghiệp,
Sanh tử đều giải thoát.
Là trời cũng là người,
Thấy đều quy mạng Phật.
Cúi đầu lễ Như Lai,
Đại dương sâu vô cực.
Chư Thiên, thần Hương âm¹²,
Kính lạy Đấng Đã Biết.
Chúng sanh trong tử sanh,
Đều cúi đầu quy phục,
Cúi đầu lễ Trí sĩ;
Quy mạng Đấng Thượng Nhân;
Không trần lụy, vô ưu,
Vô ngại, các giải thoát;
Vì vậy, hãy vui thiền,
Sống viễn ly tịch tịnh.
Hãy tự mình đốt đèn,
Vì Như Lai khó gặp¹³.
Không gặp thời Như Lai,
Đời sống trong địa ngục.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



abhibhū anabhibhūti aññadhatthudaso vasavattī, Như Lai là Vị chiến thắng, Vị không thể bị đánh bại, là Vị thấy tất cả, biết tất cả, tự do tự tại.

¹¹. Pāli: sabhaṃ loke yathātatham, (biết) tất cả thế gian một cách như thật.

¹². Hương âm thần ————A hay nhạc thần, hay Càn-thát-bà; Pāli: Gandhabba.

¹³. Vô ngã tất thất thời -L—————C